

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 50/TPHN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/4. 21.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 10/09/2021 ÷ 15/03/2023. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Gold Daisy Lương khô Hạt dinh dưỡng**

2. Thành phần: Bột mì, Dầu cọ tinh luyện, Đường, Bột whey, Đường dextrose, Hạt Điều (6%), Bơ lạc (3%), Đường Mantoza, Nước, Sữa bột, Muối, Chất làm ẩm (422), Chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), Chất nhũ hóa (322(i)), Hương sữa tổng hợp.

Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Điều, Lạc, Lecithin từ đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất (NSX, MFG) và hạn sử dụng (HSD, EXP): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** Màng Matt OPP/MCPP chuyên dụng, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- **Qui cách bao gói:** 70 g (2.46 oz)/ túi, 80 g (2.82 oz)/ túi, 90 g (3.17 oz)/túi, 800 g (28.2 z)/Hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản xuất bởi:** Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.

- Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ĐT: +84 24 3664 9451
- Fax: +84 24 3664 2426
- Email: cskh@huunghi.com.vn
- Website: www.huunghi.com.vn

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
 - Nghị định 43/2017 NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa.
 - Nghị định 111/2021 NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017 NĐ-CP
- Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Nguyễn Hải

STT	Tên của sản phẩm	Đơn vị tính	Mức độ an toàn
1	Adaptogen	kg	5
2	Adaptogen 100%	kg	4
3	Adaptogen 100%	kg	3
4	Adaptogen 100%	kg	2
5	Adaptogen 100%	kg	1

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Gold Daisy Lương khô Hạt dinh dưỡng	Số: 50/TPHN/2022
---	--	-------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan.

- Hình dạng: Bánh hình khối chữ nhật.
- Trạng thái: Bánh mịn, xốp.
- Màu sắc: Màu vàng nâu.
- Mùi vị: Mùi thơm nhẹ đặc trưng.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. Coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số BTNM-M	CFU/g	10^2

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

2.1. Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

7239
 TY
 IAN
 HÂM
 NGHỊ
 TP. HỒ

- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
- Ngày sản xuất (NSX, MFG) và hạn sử dụng (HSD, EXP): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
 - o Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ $10 \div 15\text{cm}$, cách tường ít nhất 30 cm.
 - o Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.

CVN 12:002:2018 / ISO 22000:2018



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miến Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Bắc Ninh - Nhà máy Đông Thọ: Lô E15+E16+E17 Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miến Nam - Nhà máy Bình Dương: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

SAO Y BẢN CHÍNH

Số:/SY-TPHN

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2021

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

- Phạm vi được chứng nhận:
1. Sản xuất bánh cracker, lương khô, bánh tươi (bánh gato, bánh mỳ), đồ uống không cồn, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
 2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mỳ, ruốc, bánh bông lan (cake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
 3. Đóng gói mứt, kẹo tại Nhà máy Đông Thọ.
 4. Sản xuất bánh mỳ, bánh gato, đồ uống không cồn tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/4.21.CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 10/09/2021 đến ngày 15/03/2023

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018



THÀNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Hồng Tiêm
Chứng nhận Phù hợp



IAS-ANZ

TỔNG CỤC TRƯỞNG
Tổng cục TCDCL

CHỦ TỊCH
Hội đồng Chứng nhận



ThS. Trần Văn Vinh

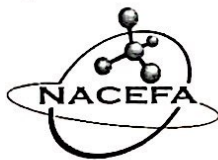
TS. Phạm Hồng

ThS. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể được kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.ias-anz.org/register

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0422024/1/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Gold Daisy Lương khô Hạt dinh dưỡng
Mô tả mẫu: Mẫu bánh đựng trong túi PE kín.01 gói/mẫu, khoảng 500g, ĐKBQ nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 18/4/2022
Thời gian thử nghiệm: 18/4/2022 – 06/5/2022
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01*	Hàm lượng Protein (Nx6,25)	g/100g	8,06	TCVN 8125:2015
02	Hàm lượng Lipid	g/100g	15,46	FIRI.M.115
03	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	69,14	Fao Food and Nutrition paper 77 (2003)
04*	Hàm lượng Đường toàn phần	g/100g	23,76	FIRI.M.020 (HPLC)
05	Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)	mg/100g	KPH (LOD = 1 mg/kg)	AOAC 996.06
06	Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/100g	5,68	AOAC 996.06
07*	Hàm lượng Xơ thô	g/100g	0,26	FIRI.M.153 (Ankom method)
08	Hàm lượng Cholesterol	mg/100g	2,77	FIRI.M.132 (HPLC-PDA)
09*	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/100g	1,24	AOAC 999.11
10*	Hàm lượng Sodium (Na)	mg/100g	338,15	FIRI.M.118 (AAS)
11*	Hàm lượng Canxi (Ca)	mg/100g	49,75	FIRI.M.118 (AAS)

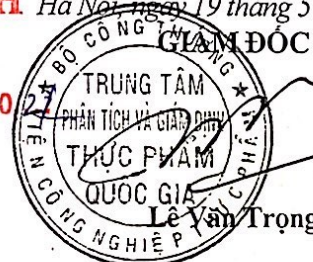
Ghi chú: KPH- Không phát hiện; nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD)



SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 12.../SY-TPHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2022



CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Hồng Trâm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



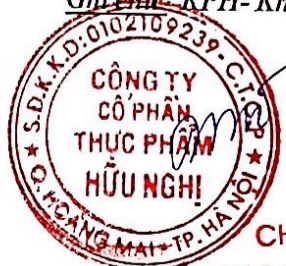
Số: 0422024/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Gold Daisy Lương khô Hạt dinh dưỡng
Mô tả mẫu: Mẫu bánh đựng trong túi PE kín.01 gói/mẫu, khoảng 500g, ĐKBQ nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 18/4/2022
Thời gian thử nghiệm: 18/4/2022 – 06/5/2022
Kết quả:

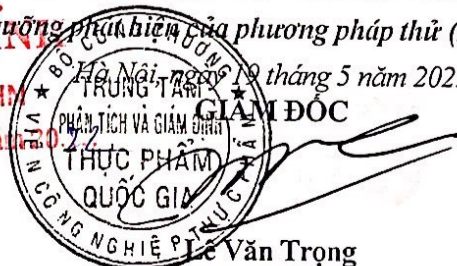
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01**	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$4,2 \times 10^3$	ISO 4833-1:2013
02**	Coliforms	CFU/g	0	ISO 4832:2006
03**	<i>E.coli</i>	CFU/g	0	ISO 16649-2:2001
04**	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	0	ISO 7937:2004
05**	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	0	ISO 7932:2004, Amd.1:2020
06**	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	0	ISO 6888-1:2021
07**	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	5×10^1	ISO 21527-1,2 : 2008
08**	<i>Salmonella spp</i>	/25g	Không phát hiện	ISO 6579-1 : 2017
09*	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	AOAC 986.15
10*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	AOAC 971.21
11*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,002 mg/kg)	AOAC 999.11
12*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,005 mg/kg)	AOAC 999.11
13*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
14*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
15*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.167 (LC-MS/MS)
16*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (LOD = 30 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
17*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	KPH (LOD = 5 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)

Ghi chú: KPH- Không phát hiện; nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD)

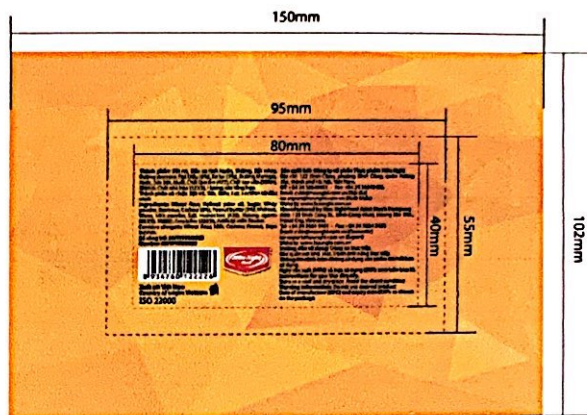


Số: .../.../TPHM
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2022

CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Hồng Tiêm



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội ghi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



Thành phần: Bột mì, Dầu cọ tinh luyện, Đường, Bột whey, Đường dextrose, Hạt Điều (6%), Bơ lạc (3%), Đường Mantoza, Nước, Sữa bột, Muối, Chất làm ẩm (422), Chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), Chất nhũ hóa (322(i)), Hương sữa tổng hợp. Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Điều, Lạc, Lecithin từ đậu nành.

Ingredients: Wheat flour, Refined palm oil, Sugar, Whey powder, Dextrose, Cashew (6%), Peanut butter (3%), Maltose, Water, Milk powder, Salt, Humectant (422), Raising agents (503(ii), 500(ii)), Emulsifier (322(i)), Artificial milk flavour. Contains allergens: Wheat flour, Milk, Cashew, Peanut, Soya lecithin.

Số công bố: 50/TPHN/2022
Number: 50/TPHN/2022



Xuất xứ: Việt Nam
Country of origin: Vietnam
ISO 22000



Sản xuất bởi: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Nội địa)

im-export@huunghi.com.vn (Xuất khẩu)

Website: www.huunghi.com.vn

Manufactured by Huu Nghi food Joint Stock Company

Address: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.

Tel: +84 24 3664 9451 - Fax: +84 24 3664 2426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Domestic)

im-export@huunghi.com.vn (Export)

Website: www.huunghi.com.vn

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

Instructions for use: Use directly.

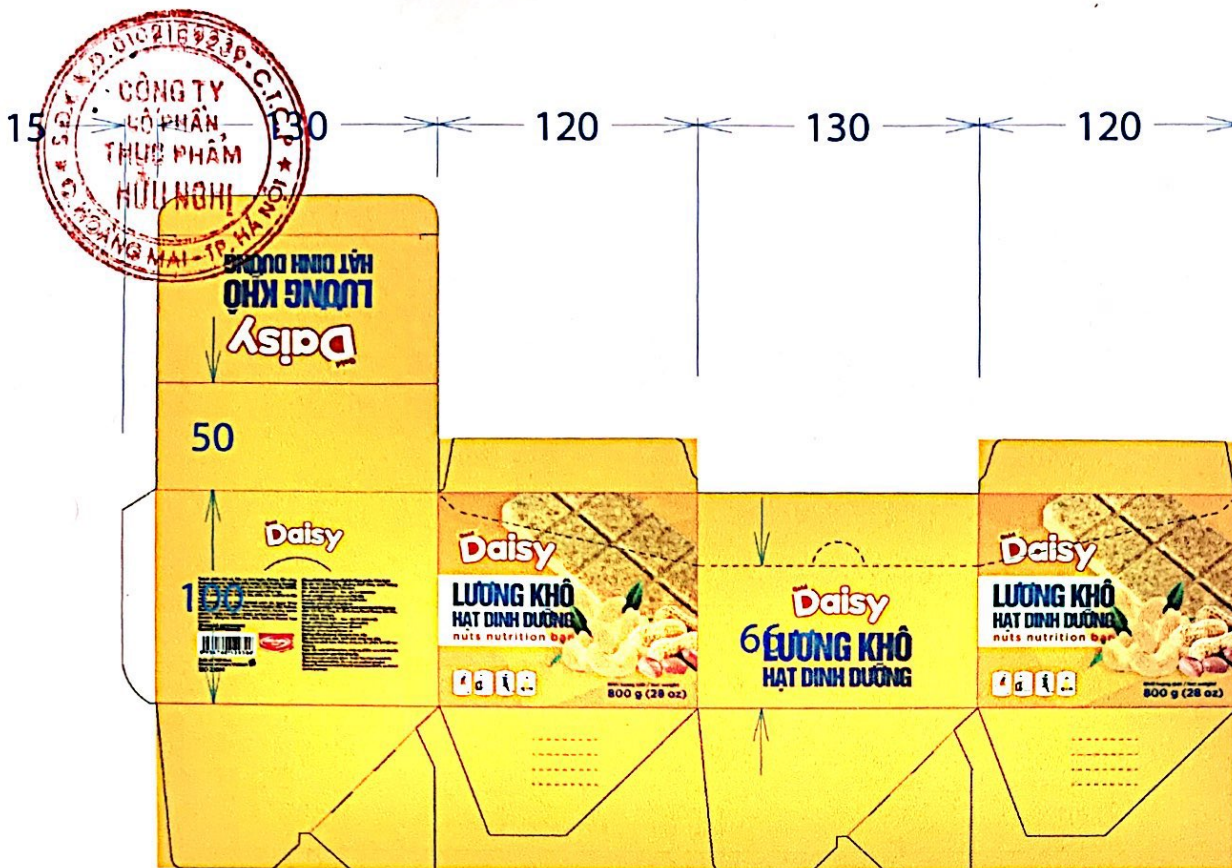
Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Warning information: Do not use expired product

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.

Khối lượng tịnh / Net weight:

80 g (2.8 oz)



Thành phần: Bột mì, Dầu cọ tinh luyện, Đường, Bột whey, Đường dextrose, Hạt Điều (6%), Bơ lạc (3%), Đường Mantoza, Nước, Sữa bột, Muối, Chất làm ẩm (422), Chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), Chất nhũ hóa (322(i)), Hương sữa tổng hợp. Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Điều, Lạc, Lecithin từ đậu nành.

Ingredients: Wheat flour, Refined palm oil, Sugar, Whey powder, Dextrose, Cashew (6%), Peanut butter (3%), Maltose, Water, Milk powder, Salt, Humectant (422), Raising agents (503(ii), 500(ii)), Emulsifier (322(i)), Artificial milk flavour. Contains allergens: Wheat flour, Milk, Cashew, Peanut, Soya lecithin.

Số công bố: 50/TPHN/2022
Number: 50/TPHN/2022



Xuất xứ: Việt Nam
Country of origin: Vietnam 
ISO 22000



Sản xuất bởi: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Nội địa)

im-export@huunghi.com.vn (Xuất khẩu)

Website: www.huunghi.com.vn

Manufactured by Huu Nghi food Joint Stock Company

Add: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.

Tel: +84 24 3664 9451 - Fax: +84 24 3664 2426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Domestic)

im-export@huunghi.com.vn (Export)

Website: www.huunghi.com.vn

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

Instructions for use: Use directly.

Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Warning information: Do not use expired product

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.

Khối lượng tịnh / Net weight:

800 g (28 oz)